

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: **03/2018/HCPT**

Ngày: 10-8-2018

*“Kiện hành vi hành chính
trong quản lý đất đai”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đình Văn Long**
- Các Thẩm phán: Ông **Bùi Xuân Liêm**
Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Dung** - Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Ninh Minh Tân** – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Ngày 10-8-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ kiện hành chính về việc: *“Kiện hành vi hành chính trong quản lý đất đai”*, thụ lý số 02/2017/HCPT ngày 03-01-2017. Do bản án hành chính sơ thẩm số 12/2016/HCST ngày 21-11-2016 của TAND huyện T bị kháng cáo; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐPT-HC ngày 02-3-2017, giữa:

- **Người khởi kiện:** Ông **Nguyễn Công Đ**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 32 C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Bùi Anh N** – Luật sư của Văn phòng luật sư Q.

Địa chỉ: Khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Hồng Quốc C** – chức vụ: Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H** - chức vụ: Phó Chủ tịch.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:** Ông **Trương Công H** – chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T.**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trần T** – chức vụ: Trưởng phòng.

+ **Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T.**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Xuân C** – chức vụ: Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc D** – chức vụ: Phó Chủ tịch.

- **Người kháng cáo:** Ông **Bùi Anh N**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

- **Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:** Ông Nguyễn Công T, bà Võ Thị B (*cha mẹ ông Đ*) sử dụng thửa đất có diện tích 13.583,8m² tại tổ 12, thị trấn H, huyện T từ năm 1973 (*có giấy tờ nghiệp chủ của chế độ cũ cấp*), ông bà làm nhà, trồng cây, sử dụng ổn định từ trước đến nay. Năm 2001, gia đình ông Đ hiến một phần thửa đất để mở đường đi ngang qua thửa đất nên thửa đất bị tách thành 2 thửa. Năm 1990 ông T chết, năm 2003 bà B chết không để lại di chúc, bản thân ông Đ do điều kiện công tác ở xa, không sống ở nhà nên toàn bộ thửa đất này ông Đ sử dụng trồng cây lâu năm cho đến nay, riêng ngôi nhà vẫn còn tồn tại, đến năm 2007 bão làm sụp đổ chỉ còn lại nền móng và giếng nước. Đến nay ông Đ về hưu nên có nguyện vọng về quê sinh sống, xây dựng lại nhà để ở và thờ cúng cha mẹ. Ông Đ đã liên hệ với UBND thị trấn H để lập thủ tục thừa kế, xác nhận nguồn gốc của các thửa đất, lấy ý kiến khu dân cư. Ông Đ hợp đồng với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T đo đạc, lập hồ sơ theo quy định. Theo số liệu đo đạc thì thửa đất ông Đ yêu cầu được cấp Giấy CNQSDĐ gồm 2 thửa: Thửa số 354a, diện tích 7.331,6m² và thửa số 354b, diện tích 6.525,2m², tờ bản đồ số 6. Diện tích đất ông Đ nhận thừa kế và đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ phù hợp với quy hoạch, không có tranh chấp, đủ điều kiện để được cấp Giấy CNQSDĐ nên UBND thị trấn H lập Tờ trình đề nghị UBND huyện T cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Đ.

Nhưng khi ông Đ nộp hồ sơ đến UBND huyện T thì được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T ban hành Công văn số 08/TNMT ngày 24-01-2014 trả lời với nội dung UBND thị trấn H đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Đ là không đúng quy định. Ông Đ khiếu nại đến UBND huyện T nhưng UBND huyện T không giải quyết mà Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T ban hành Quyết định số 04/QĐ-TNMT ngày 30-5-2014 giải quyết khiếu nại của ông Đ là không đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, ông Đ khởi kiện đề nghị Tòa án buộc UBND huyện T thực hiện hành vi cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Đ đối với 2 thửa đất: Thửa số 354a, diện tích 7.331,6m² và thửa số 354b, diện tích 6.525,2m², tờ bản đồ số 6 tại tổ 12, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện người bị kiện UBND huyện T trình bày:** Ngày 01-9-2013, ông Đ lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa số 354a, diện tích 7.331,6m² và thửa số 354b, diện tích 6.525,2m², tờ bản đồ số 6 tại tổ 12, thị trấn H. Qua kiểm tra hiện trạng và hồ sơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T ban hành Công văn số 08/TNMT ngày 24-01-2014 trả lời cho ông Đ về hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ của ông chưa giải quyết được với lý do: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ thì loại đất xin cấp Giấy CNQSDĐ được xác định theo hiện trạng sử dụng đất. Qua kiểm tra thực tế hiện trạng sử dụng đất của ông Đ chỉ có 1 cây xoài, 8 bụi tre, 5 cây bạc hà và 1 giếng nước bỏ hoang còn lại là đất hoang bằng chưa sử dụng, mật độ cây không đảm bảo để xác định mục đích sử dụng đất là cây lâu năm nên diện tích ông Đ xin cấp Giấy CNQSDĐ không đúng hiện trạng sử dụng đất. Mặt khác, từ năm 2003 đến nay ông Đ không sử dụng đất, theo hồ sơ địa chính thì đây là thửa đất bằng chưa sử dụng do UBND thị trấn H quản lý.

Không đồng ý với nội dung Công văn số 08/TNMT, ông Đ khiếu nại. Thực hiện chỉ đạo của UBND huyện T và xét thấy đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Tài nguyên và Môi trường nên Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành kiểm tra hiện trạng và xác minh. Trong quá trình xác minh nội dung khiếu

nại của ông Đ, UBND thị trấn H tổ chức họp lại cộng đồng dân cư ngày 28-3-2014, họp Hội đồng tư vấn xét cấp đất ngày 10-4-2014 xác định từ năm 2003 đến năm 2013 ông Đ không sử dụng diện tích đất nói trên mà bỏ hoang, ngày 19-5-2014 đã mời ông Đ lên làm việc. Ngày 21-5-2014, UBND thị trấn H ban hành Công văn số 18/CV-UBND thống nhất hủy Biên bản họp Hội đồng tư vấn, Phiếu lấy ý kiến khu dân cư và hủy hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ của ông Đ mà UBND thị trấn H đã xác nhận tháng 9/2013, đồng thời ban hành Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 21-5-2014 quyết định thu hồi, hủy bỏ lời chứng thực của UBND thị trấn H đối với hồ sơ thừa kế của ông Đ lập vào tháng 9/2013.

Căn cứ các quy định của pháp luật, Biên bản họp cộng đồng dân cư ngày 28-3-2014, Biên bản họp Hội đồng tư vấn xét cấp đất ngày 10-4-2014, Công văn số 18/CV-UBND ngày 21-5-2014, Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 21-5-2014 của UBND thị trấn H; ngày 30-5-2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T ban hành Quyết định số 04/QĐ-TNMT không chấp nhận khiếu nại của ông Đ là có căn cứ pháp luật. Do đó UBND huyện T không chấp nhận yêu cầu cấp Giấy CNQSDĐ của ông Đ đối với hai thửa đất trên với mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm vì chưa đủ điều kiện để được cấp Giấy CNQSDĐ theo quy định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T thống nhất như nội dung trình bày của UBND huyện T tại văn bản số 1235/UBND-TNMT ngày 10-12-2014.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn H trình bày:** Ngày 01-9-2013, ông Đ nộp hồ sơ đề nghị lập thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 354a và 354b, tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 13.853,8m², tại tổ 12, thị trấn H; kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ là hồ sơ thừa kế. Qua xem xét, kiểm tra hồ sơ, ngày 01-10-2013, UBND thị trấn H có Tờ trình số 266/TTr-UBND đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Đ, loại đất trồng cây lâu năm. Ngày 25-02-2014, UBND thị trấn H nhận đơn khiếu nại của ông Đ về việc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T ban hành Công văn số 08/TNMT ngày 24-01-2014 trả lời ông Đ về việc hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ chưa được giải quyết. Qua xem xét nội dung khiếu nại, UBND thị trấn H tiến hành xác minh lại hiện trạng vị trí đất, tổ chức họp lại cộng đồng dân cư, tiến hành lấy ý kiến khu dân cư ngày 28-3-2014, tiến hành họp lại Hội đồng xét cấp đất ngày 10-4-2014 để xem xét lại nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông Đ.

Từ kết quả kiểm tra, xác minh UBND thị trấn H xét thấy việc lập thủ tục đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Đ là chưa đúng quy định của pháp luật. Vì vậy UBND thị trấn H ban hành Công văn số 18/UBND ngày 21-5-2014 hủy Biên bản họp Hội đồng tư vấn, Phiếu lấy ý kiến khu dân cư và hủy hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Đ mà UBND thị trấn H đã xác nhận, đồng thời ban hành Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 21-5-2014 thu hồi, hủy bỏ lời chứng thực của UBND thị trấn H đối với hồ sơ thừa kế của ông Đ.

Hiện nay, theo bản đồ quy hoạch 1/5000 đã được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt theo Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 19-02-2014 giai đoạn đến năm 2020, 2030 thì thửa đất số 354b được quy hoạch là đất hỗn độn, ký hiệu H45; thửa đất số 354a được quy hoạch là đất chỉnh trang, ký hiệu 070. Vì vậy, việc ông Đ đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ với mục đích trồng cây lâu năm là không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương. Ngoài ra, quá trình sử dụng đất ông Đ không kê khai, đăng

ký, không sử dụng liên tục từ năm 2003, qua xác minh hiện trạng thì mật độ cây không đảm bảo để xem xét cấp đất trồng cây lâu năm. Do đó trường hợp của ông Đ chưa đủ điều kiện để đề nghị UBND huyện T cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Đ.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hành chính sơ thẩm số 12/HCST ngày 21-11-2016 của TAND huyện T đã áp dụng Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; Điều 100 Luật đất đai 2013; điểm a khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ, xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công Đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 05-12-2016, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Bùi Anh N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 12/HCST ngày 21-11-2016 của TAND huyện T, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên VKSND tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến nay đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính. Các bên đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tuân thủ đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính. Về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, cũng như chưa xem xét toàn diện nội dung vụ án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, xử hủy bản án hành chính sơ thẩm số 12/2016/HCST ngày 21-11-2016 của Tòa án nhân dân huyện T, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết sơ thẩm lại theo thẩm quyền.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Bùi Anh N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt, mọi ý kiến liên quan đến yêu cầu kháng cáo đã trình bày trong đơn kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính.

[2]. Xét thủ tục thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm của TAND huyện T thì thấy: Ngày 01-9-2013, ông Đ nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 354a, diện tích 7.331,6m² và thửa đất số 354b, diện tích 6.525,2m², tờ bản đồ số 6 tại tổ 12, thị trấn H, huyện T, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng đất: Đất do cha Nguyễn Công T và mẹ Võ Thị B sử dụng từ năm 1973, sau khi chết để lại cho con ruột là Nguyễn Công Đ thừa kế theo pháp luật. Ngày 24-01-2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T có Công văn số 08/TNMT trả lời ông Đ với nội dung việc UBND thị trấn H đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Đ là chưa đúng theo quy định của pháp luật vì qua kiểm tra hiện trạng mật độ cây trên đất không

đảm bảo để xác định mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm; từ năm 2003 đến nay hộ ông Đ không sử dụng đất mà bỏ hoang hóa; theo hồ sơ địa chính thì diện tích đất ông Đ xin cấp Giấy CNQSDĐ là đất bằng chưa sử dụng do UBND thị trấn H quản lý. Không đồng ý với nội dung Công văn số 08/TNMT nêu trên, ông Đ khiếu nại. Ngày 30-5-2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T ban hành Quyết định số 04/QĐ-TN-MT giải quyết đơn khiếu nại của ông Đ với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Đ, giữ nguyên nội dung Công văn số 08/TNMT ngày 24-01-2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T. Đến ngày 06-8-2014, ông Đ nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án, vì vậy vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính 2010 và TAND huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

HĐXX xét thấy:

[3]. Ngày 12-9-2016, UBND huyện T có Công văn số 832/UBND-VP ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H – Phó Chủ tịch UBND huyện tham gia tố tụng vụ án hành chính, cử ông Trương Công H – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện T, nhưng TAND huyện T không xác nhận vào Giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 61 Luật tổ tụng hành chính 2015. Đồng thời, trong quá trình tố tụng từ ngày 12-9-2016, như kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại ngày 15-9-2016, Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 15-9-2016, phiên tòa sơ thẩm ngày 30-9-2016, thông báo thụ lý bổ sung ngày 17-10-2016, Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 30-10-2016 và phiên tòa sơ thẩm từ ngày 18 đến ngày 21-11-2016, TAND huyện T không đưa ông Trương Công H vào tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trong khi người bị kiện, bản thân ông H chưa có văn bản hay ý kiến nào về việc từ chối làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[4]. Ngày 17-10-2016, TAND huyện T có Thông báo số 13A/TB-TA thông báo bổ sung UBND thị trấn H, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng không thông báo cho ông Đ và người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là ông Bùi Anh N để ông Đ, ông N thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình là không đúng. Thông báo thụ lý bổ sung thể hiện *“trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo UBND huyện T phải gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo...”* là chưa phù hợp vì thông báo bổ sung người tham gia tố tụng chứ không phải thông báo thụ lý yêu cầu khởi kiện, đồng thời ngày 30-10-2016, TAND huyện T đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần 2 là chưa đủ 15 ngày kể từ ngày ban hành thông báo thụ lý bổ sung; Quyết định xét xử không có tên người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND huyện T là không đầy đủ thành phần người tham gia tố tụng trong vụ án.

[5]. Ngày 17-11-2016, HĐXX mở phiên tòa. Biên bản phiên tòa thể hiện *“11h ngày 17-11-2016 HĐXX nghị để nghị án. Chủ tọa phiên tòa thay mặt HĐXX ấn định thời gian tuyên án vào lúc 8 giờ ngày 21-11-2016. 8h30 ngày 21-11-2016. Sau khi nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa thay mặt HĐXX tuyên đọc bản án gốc đã được HĐXX thông qua tại phòng nghị án”*, nhưng Biên bản nghị án thể hiện *“vào hồi 14 giờ ngày 18-11-2016, HĐXX tiến hành nghị án và kết thúc vào lúc 16 giờ cùng*

ngày”, đồng thời tại trang 1 của bản án thể hiện “Ngày 17 và ngày 21-11-2016 tại trụ sở TAND huyện T xét xử sơ thẩm...”. Như vậy, giữa Biên bản nghị án, Biên bản phiên tòa và bản án sơ thẩm mâu thuẫn nhau về mặt thời gian, vi phạm thủ tục tố tụng.

[6]. UBND huyện T cho rằng ông Đ không sử dụng đất, bỏ hoang từ năm 2003 đến năm 2008, nên theo hồ sơ địa chính đây là thửa đất bằng chưa sử dụng do UBND thị trấn H quản lý là không khách quan và không đúng thực tế, vì theo biên bản thẩm định ngày 04-8-2016 của TAND huyện T và biên bản thẩm định ngày 22-3-2018 của TAND tỉnh Quảng Nam thì trên diện tích ông Đ yêu cầu cấp Giấy CNQSDĐ có giếng nước, móng nhà, mồ mả và nhiều loại cây lâu năm của gia đình ông Đ. Ông Đ yêu cầu cấp Giấy CNQSDĐ vào tháng 09-2013 khi chưa có Quyết định quy hoạch của UBND tỉnh Quảng Nam, nhưng bản án sơ thẩm viện dẫn UBND tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 19-02-2014 về việc quy hoạch đối với 2 thửa đất này là chưa khách quan, toàn diện, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ. Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét hành vi hành chính, quyết định hành chính có liên quan của Chủ tịch UBND thị trấn H hủy bỏ hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Đ mà UBND thị trấn đã xác nhận và Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 21-5-2014 thu hồi, hủy bỏ lời chứng thực của UBND thị trấn H đối với hồ sơ thửa kế của ông Nguyễn Công Đ là không đúng quy định tại Điều 6 Luật tố tụng hành chính.

[7]. Liên quan đến việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, HĐXX phúc thẩm có kiến nghị: Ngày 13-11-2013, VKSND huyện T ban hành Quyết định số 13/QĐ-VKS về việc phân công Kiểm sát viên tham gia tố tụng đối với vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 13/TB-TA ngày 10-11-2014 của TAND huyện T là chưa phù hợp về mặt thời gian. Tại Công văn số 01/YC-VKS ngày 19-9-2016 và Bài phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa thể hiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị H là chưa đúng với những người tham gia tố tụng trong vụ án. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án TAND huyện T không đưa ông Trương Công H vào tham gia tố tụng với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, nhưng đại diện VKSND huyện T cũng không có ý kiến. Ngày 06-5-2015, TAND huyện T có Công văn số 47/CV-TA yêu cầu UBND huyện T là người bị kiện trong vụ án trả lời cho Tòa án một số nội dung liên quan đến vụ án. Đến ngày 10-5-2015, TAND huyện T ban hành Quyết định số 02/QĐ-TĐC tạm đình chỉ giải quyết vụ án do cần đợi kết quả trả lời của UBND huyện T tại Công văn số 47/CV-TA ngày 06-5-2015 là không đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 118 Luật tố tụng hành chính 2010, nhưng tại Bài phát biểu Kiểm sát viên khẳng định việc Thẩm phán ban hành Quyết định tạm đình chỉ là đúng quy định của pháp luật. Do Quyết định tạm đình chỉ này không có kháng cáo, kháng nghị nên HĐXX không xem xét.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy bản án hành chính sơ thẩm số 12/HCST ngày 21-11-2016 của TAND huyện T đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà HĐXX phúc thẩm không thể bổ sung được tại phiên tòa. Vì vậy, cần xử hủy bản án hành chính sơ thẩm 12/HCST ngày 21-11-2016 của TAND huyện T, giao hồ sơ vụ án cho TAND tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm lại theo thẩm quyền. Do hủy về thủ tục tố tụng nên nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Bùi Anh N HĐXX chưa xem xét và ông N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

QUYẾT ĐỊNH

Xử hủy bản án hành chính sơ thẩm số 12/HCST ngày 21-11-2016 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Án phí hành chính phúc thẩm ông Bùi Anh N không phải nộp, hoàn trả cho ông N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0020108 ngày 14-12-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (10-8-2018).

Nơi nhận:

- Các cơ quan THTT;
- Những người TGT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Long